

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2026/HS-ST.

Ngày: 03 – 02 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyên Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Xuyên

2. Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 30/2026/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2026/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2026 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 13/TB-TA ngày 26/01/2026 đối với bị cáo:

Lê Thế L, sinh năm 1991, tại tỉnh Đồng Nai, căn cước công dân số: 075091001134, cấp ngày 31/3/2021, nơi cấp: Cục C về TTXH; Nơi cư trú: Tổ G, ấp D, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai); Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Hoàng S, sinh năm 1976 và bà Lê Thị Tuyết L1, sinh năm 1976; Vợ, con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại điều tra (bị cáo có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 00 giờ 05 phút, ngày 28 tháng 4 năm 2024, Công an tỉnh Đ phối hợp Công an huyện L cũ tiến hành kiểm tra hành chính đối với H kinh doanh B&B, địa chỉ: số A L, tổ B, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai) do Lê Thế L đứng tên chủ hộ kinh doanh. Tại thời điểm kiểm tra phát hiện hộ kinh doanh B do L đứng tên không xuất trình được hóa đơn và không có hồ sơ thủ tục thể hiện việc kê khai thuế và nộp thuế theo quy định.

Quá trình điều tra xác định: Lê Thế L đăng ký hộ kinh doanh B&B có trụ sở tại A L, tổ B, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai) từ ngày 27/10/2023 với ngành nghề kinh doanh là dịch vụ ăn uống, bán lẻ rượu ngoại, bia, nước giải khát. Trong quá trình hoạt động, H kinh doanh B đã hợp đồng, sử dụng phần mềm quản lý nhà hàng MISA CukCuk của Công ty cổ phần M từ ngày 25/12/2023 để quản lý doanh thu bán hàng. L được Đoàn Trung H1 thuê để đăng ký kinh doanh và điều hành hoạt động quán Bar B1. Doanh thu được quản lý bằng phần mềm quản lý nhà hàng MISA CukCuk của Công ty cổ phần M, cài đặt tại CPU đặt tại quán. Doanh thu bán hàng được chuyển khoản qua tài khoản của Lê Thế L tại V là 0481001501429 đến số tài khoản V 0481000826217 của Nguyễn Tấn K. K chuyển toàn bộ số tiền do L chuyển đến vào số tài khoản của Mai Thị Hoàng L2, sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú: Phước Lợi C, P, L, Vĩnh Long. Tổng số tiền doanh thu từ ngày 25/12/2023 đến 28/4/2024 là 3.373.510.000 đồng.

Tại Công văn số 66/2024/CV-MISA-HQQ ngày 01/7/2024 của Công ty cổ phần M xác định doanh số bán hàng của H kinh doanh B&B từ ngày 25/12/2023 đến hết ngày 31/12/2023 là 127.739.400 đồng. Doanh số bán hàng của H kinh doanh B&B từ ngày 01/01/2024 đến ngày 28/04/2024 là 3.245.770.600 đồng.

Tại Công văn số 3235/CCTKV-NVDT ngày 04/7/2024 Chi cục Thuế khu vực L4 - Nhơn Trạch xác định: Tổng số tiền thuế giá trị gia tăng phải nộp năm 2023 và 2024 (tính từ 25/12/2023 đến 28/04/2024) là: 101.205.300 đồng; Tổng số tiền thuế thu nhập cá nhân phải nộp năm 2023 và 2024 (tính từ 25/12/2023 đến 28/04/2024) là 50.602.650 đồng. Như vậy, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân do chủ hộ kinh doanh B phải nộp là 151.807.950 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 10373/KL-CTDON ngày 12/11/2024 của Cục thuế tỉnh Đ xác định số thuế trốn phát sinh theo hồ sơ, tài liệu thể hiện: Thuế giá trị gia tăng năm 2023 là 3.832.182 đồng; năm 2024 là 97.373.118 đồng, tổng cộng là 101.205.300 đồng; Thuế thu nhập cá nhân năm 2023 là 1.916.091 đồng; năm 2024 là 48.686.559 đồng, tổng cộng là 50.602.650 đồng. Tổng cộng thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân là 151.807.950 đồng.

Vật chứng, tài sản tạm giữ trong vụ án: 01 (một) máy CPU tính tiền được thu giữ từ quán B1.

Tại bản cáo trạng số 43/CT.VKS-NT ngày 11/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đồng Nai truy tố bị cáo Lê Thế L về tội “Trốn thuế” theo điểm a, khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị:

- Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 200; điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thế L từ 120.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Đề nghị trả 01 (một) máy CPU tính tiền được thu giữ từ quán B&B cho bị cáo Lê Thế L do không liên quan đến sự việc phạm tội.

+ Đề nghị tuyên buộc Lê Thế L nộp lại số tiền 151.807.950 đồng là tiền trốn thuế sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên Tòa, bị cáo Lê Thế L không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đồng Nai, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo Lê Thế L, sinh năm 1991 có đủ năng lực trách nhiệm hình sự thừa nhận có đăng ký hộ kinh doanh B&B có trụ sở tại A L, tổ B, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai) từ ngày 27/10/2023 với ngành nghề kinh doanh là dịch vụ ăn uống, bán lẻ rượu ngoại, bia, nước giải khát. Trong khoảng thời gian hoạt động từ ngày 25/12/2023 đến 28/04/2024, L không nộp hồ sơ đăng ký thuế, không nộp hồ sơ khai thuế trốn tránh không nộp thuế theo quy định.

Tại Bản kết luận giám định số 10373/KL-CTDON ngày 12/11/2024 của Cục thuế tỉnh Đ xác định số thuế trốn của Lê Thế L, bao gồm: Thuế giá trị gia tăng năm 2023 là 3.832.182 đồng, năm 2024 là 97.373.118 đồng, tổng cộng là 101.205.300 đồng; Thuế thu nhập cá nhân năm 2023 là 1.916.091 đồng, năm 2024 là 48.686.559 đồng, tổng cộng là 50.602.650 đồng. Tổng cộng thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân là 151.807.950 đồng.

Lời thừa nhận của bị cáo Lê Thế L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; L3 khai người làm chứng; và các chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Cho thấy trong khoảng thời gian từ ngày 25/12/2023 đến 28/04/2024 bị cáo L đã có hành vi không nộp thuế với số tiền trốn thuế phải nộp là 151.807.950 đồng (từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng) và hành vi phạm tội đã thực hiện xong.

Nên có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Lê Thế L đã phạm vào tội “Trốn thuế”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự.

Do đó, Cáo trạng số 43/CT.VKS-NT ngày 11/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đồng Nai truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

[3]. Về nhân thân, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo có nhân thân tốt: Không tiền án, tiền sự;

Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến lợi ích công, làm thất thu ngân sách nhà nước. Nên cần xét xử nghiêm, để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp số tiền trốn thuế. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của chính sách pháp luật hình sự, nhằm cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

Xét bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự, trong thời gian tại ngoại không có vi phạm gì, thể hiện việc tự cải tạo bản thân tốt. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà áp dụng hình phạt phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

* Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đồng Nai về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Về biện pháp tư pháp:

+ 01 (một) máy CPU tính tiền được thu giữ từ quán B&B không liên quan đến vụ án nên không phải là phương tiện phạm tội, cần trả cho bị cáo L là có căn cứ;

+ Đối với số tiền 151.807.950 đồng là tiền bị cáo L trốn thuế không nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định, cần buộc bị cáo nộp lại sung quỹ nhà nước là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Tấn K, Nguyễn Trung H2 cho rằng Mai Thị Hoàng L2 là chủ sở hữu thực sự của hộ kinh doanh B&B nêu trên, tiền doanh thu đều chuyển lại cho L2 giữ. Tuy nhiên, L2 không thừa nhận mà cho rằng việc chuyển tiền chỉ là

vay mượn cá nhân, ngoài ra không có tài liệu, chứng cứ nào khác làm cơ sở vững chắc xác định L2 là chủ sở hữu hợp pháp hộ kinh doanh trên nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không xử lý L2 vai trò đồng phạm là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Tấn K và Đoàn Trung H1 là nhân viên làm thuê hưởng lương, không đứng tên trong giấy phép kinh doanh, không có nghĩa vụ đăng ký, kê khai đóng thuế và không được hưởng lợi từ doanh thu quán. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không xử lý là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Gia T thừa nhận có mối quan hệ với Mai Thị Hoàng L2, nhưng cho rằng việc nhận tiền doanh thu hàng ngày do L2 thực hiện và hưởng lợi, T không biết và không nhớ việc đưa tiền đi đặt cọc thuê cơ sở vật chất cũng như các hoạt động kinh doanh như lời khai của Đoàn Trung H1 và Nguyễn Tấn K nên không có cơ sở xử lý T là có căn cứ.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Lê Thế L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 200; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Lê Thế L phạm tội “Trốn thuế”;

- Xử phạt bị cáo Lê Thế L số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả 01 (một) máy CPU tính tiền cho bị cáo Lê Thế L;

- Buộc bị cáo Lê Thế L phải nộp số tiền 151.807.950 đồng sung quỹ nhà nước (đã nộp xong).

(Vật chứng trên hiện Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Đồng Nai đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/11/2025 và Giấy nộp tiền mặt số: 0000507 ngày 28/01/2026 tại Ngân hàng TMCP D).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Lê Thế L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 2 - ĐN;
- Công an;
- Phòng THA dân sự Khu vực 2 - ĐN;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Nguyên Vũ